

# LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

## QUYỂN 35

Chương 2: **KIỀN-ĐỘ SỬ**

Phẩm 3: **NGƯỜI**, Phần 2

Bốn quả Sa-môn: là Quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Quả Sa-môn chỉ là vô vi, như phái Tỳ-bà Xà-bà-đề (Luận sư Phân biệt) nói.

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia nói như thế?

Đáp: Vì Tôn giả kia dựa vào kinh Phật. Kinh Phật nói: Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về Sa-môn, quả Sa-môn người Sa-môn.

Hỏi: Sao gọi là Sa-môn?

Đáp: Tám Thánh đạo gọi là Sa-môn.

Hỏi: Gọi quả Sa-môn là thế nào?

Đáp: Là quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán

Hỏi: Sao gọi là quả Tu-đà-hoàn?

Đáp: Là dứt hẳn ba kiết.

Hỏi: Sao gọi là quả Tư-đà-hàm?

Đáp: Là dứt hẳn trừ ba kiết, ái, giận, si mỏng dần.

Hỏi: Sao gọi là quả A-na-hàm?

Đáp: Là dứt hẳn năm kiết phần dưới.

Hỏi: Sao gọi là quả A-la-hán?

Đáp: Dứt hẳn tất cả kiết như ái, mạn, si.

Hỏi: Người Sa-môn là sao?

Đáp: Thành tựu các pháp như thế v.v..., gọi là người Sa-môn. Do kinh này, nên nói quả Sa-môn chỉ là vô vi.

Vì dứt ý của người nói như thế, cũng nói về quả Sa-môn là hữu vi, vô vi.

Nếu quả Sa-môn chỉ là vô vi, chẳng phải hữu vi thì trái với kinh Phật. Vì kinh nói: Có bốn hướng, có trụ bốn quả. Người trụ quả là trụ quả Sa-môn hữu vi, không trụ nơi quả Sa-môn vô vi.

Hỏi: Lúc này cũng trụ trong dứt, như Luận Thi Thiết nói: Người kia trụ trong đoạn không cầu pháp vượt hơn. Người không được khiến được, người không chứng khiến chứng, người không hiểu khiến hiểu?

Đáp: Nói trụ trong đoạn, nghĩa là chẳng phải như người cỡi voi, ngựa, ở trên voi, ngựa, mà chỉ là đối với pháp dứt trừ không thối lui, không tiến tới, nên nói trụ trong đoạn. Kinh của Thế tôn cũng có chỗ hoàn toàn nói về quả Sa-môn hữu vi. Như nói: Tỳ-kheo nên biết! Đối với năm căn này phải làm sao cho được bén nhạy tăng thượng, thấu suốt đầy đủ, phải được quả A-la-hán câu giải thoát, phải chuyển biến bất như để được tuệ giải thoát, cho đến Kiên tín.

Hỏi: Nếu quả Sa-môn là hữu vi, vô vi, thì kinh Phật làm sao hiểu?

Đáp: Quả Sa-môn là hữu vi, vô vi, kinh Phật chỉ nói vô vi.

Hỏi: Vì sao kinh Phật chỉ nói quả Sa-môn vô vi?

Đáp: Kinh Phật chỉ nói quả Sa-môn, không nói đạo Sa-môn là Sa-môn cũng là quả Sa-môn.

Lại nữa, kinh này chỉ nói quả Bà-la-môn, không nói đạo Bà-la-môn là Bà-la-môn, cũng là quả Bà-la-môn.

Lại nữa, kinh Phật nói quả phạm hạnh, không nói đạo phạm hạnh là phạm hạnh cũng là quả phạm hạnh.

Lại nữa, kinh Phật nói quả, lại không có đạo của quả là quả lại có quả.

Lại nữa Phật nói lia, không có đạo lia là lia, lại có lia.

Do việc này, nên muốn ngăn dứt nghĩa của người khác, vì muốn làm sáng tỏ nghĩa của mình, cho đến nói rộng, nên soạn luận này.

Bốn quả Sa-môn: Từ quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn?

Đáp: Như Kinh Ba-già-la-na nói: Quả Tu-đà-hoàn có hai thứ: hữu vi và vô vi.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn hữu vi?

Đáp: Khi chứng quả Tu-đà-hoàn, là đã được, nay được, sẽ được các pháp học. Đã được là quá khứ, nay được là hiện tại, sẽ được là vị lai. Đó gọi là quả Tu-đà-hoàn hữu vi.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn vô vi?

Đáp: Khi chứng quả Tu-đà-hoàn thì các kiết đã dứt, đã được, nay

đang được, sẽ được, nói rộng như trên.

Hỏi: Đạo hữu vi, là nơi vào tểh gian đã được, nay được, sẽ được, việc này có thể như thế. Còn dứt là vô vi không gắn vào đời, đã được, nay được, sẽ được, làm sao có thể như thế?

Đáp: Kinh Ba-già-la-na nên nói rằng: Các kiến đã dứt, nay được, nay hiểu, nay chứng.

Mà không nói là có ý gì?

Đáp: Thuyết này nói: Ở trong thân được. Đã được, nghĩa là nói thân quá khứ đã được. Nay được, nghĩa là nói thân hiện tại đang được. Sẽ được, nghĩa là nói thân vị lai sẽ được. Như quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, nói cũng giống như thế.

Quả A-la-hán là thế nào?

Đáp: Quả A-la-hán có hai thứ: Hữu vi, vô vi.

Thế nào là quả A-la-hán hữu vi?

Đáp: Khi chứng quả A-la-hán, là đã được, nay được, sẽ được các pháp Vô học, nói rộng như trên.

Luận Thi Thiết nói: Thế nào là quả Tu-đà-hoàn?

Đáp: Quả Tu-đà-hoàn có hai hạng: hữu vi, vô vi.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn hữu vi?

Đáp: Được quả Tu-đà-hoàn, là quả đạt được nơi sự chứng đắc kia. Đắc nghĩa là chứng được quả Tu-đà-hoàn. Đắc đắc, nghĩa là được cái chứng đắc ấy. Vì được nên gọi là quả, vì được cái chứng đắc, nên gọi là thành tựu. Các học: căn Hữu học, lực học, giới học, căn thiện học, tám pháp.

Các pháp học như thế, v.v..., đó gọi là quả Tu-đà-hoàn hữu vi.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn vô vi?

Đáp: Dứt hẳn ba kiết. dứt các pháp kiết như thế v.v..., dứt trừ tám mươi tám sử, dứt các pháp sử như thế v.v... đó gọi là quả Tu-đà-hoàn vô vi.

Quả Tư-đà-hàm là thế nào?

Đáp: Quả Tư-đà-hàm có hai hạng, nghĩa là hữu vi, vô vi, nói rộng như trên.

Sự khác nhau ở đây: Dứt trừ dần ái, giận, si và dứt dần pháp thọ giận dữ.

Thế nào là quả A-na-hàm?

Đáp: A-na-hàm có hai hạng: Hữu vi, vô vi. Về quả A-na-hàm hữu vi, như trên đã nói. Quả A-na-hàm vô vi: Dứt hẳn năm kiết phần dưới, dứt hẳn pháp kiết như thế v.v... dứt hẳn chín mươi hai sử, dứt hẳn pháp

sử như thế v.v... Đó gọi là quả A-na-hàm vô vi.

Quả A-la-hán là thế nào?

Đáp: Quả A-la-hán có hai loại: hữu vi và vô vi.

Quả A-la-hán hữu vi là sao?

Đáp: Sự chứng đắc quả A-la-hán và quả đạt được của sự chứng đắc kia. Được, nghĩa là chứng được quả A-la-hán. Đắc đắc, nghĩa là đạt được sự chứng đắc quả A-la-hán kia. Vì được nên gọi là quả. Vì được cái chứng đắc, nên gọi là thành tựu.

Các căn Vô học, lực Vô học, giới Vô học, căn thiện Vô học, mười thứ pháp. Các pháp Vô học như thế v.v..., đó gọi là quả A-la-hán hữu vi.

Thế nào là quả A-la-hán vô vi?

Đáp: Dứt hẳn tất cả phiền não như ái, mạn, si, vượt ngoài tất cả đường, dứt hẳn tất cả con đường sinh tử, dập tắt ba thứ lửa, đã vượt qua bốn dòng chảy (lưu), dập tan các mạn, lìa khát ái, phá tan hang ổ phiền não, rốt ráo vô thượng, vắng lặng vô thượng, an vui vô thượng. Dứt hết ái đạt Niết-bàn vô dục. Đó gọi là quả A-la-hán vô vi. Đây là thể tánh của quả Sa-môn, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh của quả Sa-môn, về lý do nay sẽ nói:

Vì sao gọi là quả Sa-môn? Quả Sa-môn gọi là nghĩa gì?

Đáp: Thánh đạo, gọi là Sa-môn, quả Thánh kia gọi là quả Sa-môn:

Hỏi: Thánh đạo gọi là Sa-môn, quả kia là quả Sa-môn. Tám nhẫn trong kiến đạo, gọi là tám trí Sa-môn, là quả Sa-môn hữu vi. Tám thứ kiết đã dứt là quả Sa-môn vô vi. Khi lìa ái dục, chín đạo vô ngại, gọi là Sa-môn. Chín đạo giải thoát là quả Sa-môn hữu vi. Chín thứ kiết đã dứt, gọi là quả Sa-môn vô vi, cho đến lìa dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ cũng giống như thế. Tức là có tám mươi chín quả Sa-môn hữu vi, tám mươi chín quả Sa-môn vô vi. Dùng đời để phân biệt, thì tám mươi chín ở quá khứ, tám mươi chín ở vị lai, tám mươi chín ở hiện tại.

Kinh Ba-già-la-na nói: Thế nào là pháp quả?

Đáp: Tất cả hữu vi và số diệt, hễ có bao nhiêu Thánh đạo, thì có ngần ấy Sát-na, quả Sa-môn hữu vi, hễ có bao nhiêu pháp giải thoát, thì có bấy nhiêu quả Sa-môn. Nếu dùng Sát-na ở thân để phân biệt, thì có vô lượng, vô biên quả Sa-môn. Vì sao kinh Phật chỉ nói bốn quả Sa-môn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là Như lai nói lược chưa trọn vẹn, vì người được hóa độ mà nói như thế.

Tôn giả Ba-xa nói: Đức Phật biết rõ về pháp tướng cũng biết thể dụng, còn người khác thì không biết. Nếu pháp thứ lớp nối tiếp nhau để lập quả Sa-môn thì thứ lớp nối tiếp nhau, được gọi là quả Sa-môn.

Lại nữa, lúc này, rất dễ thấy, dễ nên bàn: Đây là quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán. Khoảng giữa của quả không dễ thấy, không dễ lập bày.

Lại nữa, lúc này, hành giả đối với quả, cảm thấy rất hài lòng, vừa ý. Ví như nhà nông lo việc cày bừa, gieo cấy nơi ruộng nương trong sáu tháng, về sau, sẽ thu hoạch được lúa tốt, dự trữ đầy đủ cảm thấy rất hài lòng. Quả vị kia cũng giống như thế.

Lại nữa, lúc này, có ba việc:

1. Được đạo không hề được.
2. Bỏ đạo đã từng được.
3. Dứt trừ phiền não, đồng một vị.

Lại nữa, lúc này có năm việc:

1. Được đạo không hề được.
2. Bỏ đạo đã từng được.
3. Dứt trừ phiền não, đồng với một vị.
4. Được ngay tám trí.
5. Tu mười sáu hành.

Lại nữa, vào lúc này là chỗ dừng nghỉ.

Lại nữa, lúc dứt trừ kiết, các việc đều thành. Phương tiện của đạo phương tiện thành. Sự dứt trừ kiết của quả trung gian chưa thành, đạo phương tiện chưa thành.

Lại nữa, lúc này, dung nạp rộng tu đạo, còn quả trung gian không dung nạp rộng tu đạo.

Lại nữa, lúc này, hành giả khéo nhận biết rõ về công đức, lỗi lầm xấu ác. Biết công đức: Là đạo, quả đạo. Biết lỗi lầm xấu ác: Là pháp sinh tử.

Lại nữa, lúc này, hành giả khéo nhận lấy tướng mạo, như người lúc đi giữa đường, không thể khéo nhận lấy tướng mạo của bốn phương. Nếu ngồi một chỗ, thì có thể khéo nhận lấy tướng mạo của bốn phương. Nhận biết công đức, lỗi lầm kia cũng giống như thế.

Lại nữa, lúc này hành giả có tùy theo sự thấy biết, giống như có người đang ở giữa thôn xóm, bị người cướp giật, không có ai đi theo để nhận thấy biết. Nếu ở ngay nơi thôn xóm, bị kẻ gian cướp giật, sẽ có nhiều người đi theo, thấy, biết.

Lại nữa, lúc ấy hành giả trước rộng tu đạo phương tiện, đứng ở chỗ

bền chắc là quả Tu-đà-hoàn. Rộng tu đạo phương tiện, nghĩa là trước hết vì giải thoát, nên tu bố thí, trì giới, văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, Noãn, Đảnh, Nhẫn, Pháp Thế đệ nhất, là chỗ rộng của mười lăm tâm trong kiến đạo. Quả Tư-đà-hàm rộng tu đạo phương tiện, đã nói như trên.

Các việc thiện, lại còn có đạo không hề có: là đạo phương tiện lìa cõi Dục, sáu đạo vô ngại, năm đạo giải thoát.

Quả A-na-hàm, rộng tu đạo phương tiện, như trên đã nói.

Các việc thiện, lại còn có việc không hề có: tức khi lìa ái dục với đạo phương tiện có ba đạo vô ngại, hai đạo giải thoát. Quả A-la-hán, rộng tu đạo phương tiện, như trên đã nói. Các việc thiện, lại còn có việc không hề có: Nghĩa là khi lìa dục của Sơ thiền, có đạo phương tiện, chín đạo vô ngại, chín đạo giải thoát, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, nói cũng giống như thế. Lúc lìa dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ là đạo phương tiện, chín đạo vô ngại, tám đạo giải thoát.

Lại nữa, lúc này, hành giả đã dứt trừ tất cả phần sinh, dừng lại tất cả phần sinh. Tu-đà-hoàn trừ bảy phần sinh cõi Dục, mỗi mỗi chỗ sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc đều trừ một phần sinh, tất cả phần sinh còn lại đều được phi số diệt. Tư-đà-hàm trừ hai phần sinh cõi Dục, mỗi chỗ sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc, đều trừ một phần sinh, tất cả phần sinh còn lại, đều được phi số diệt.

Mỗi mỗi nơi sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc thuộc A-na-hàm đều trừ một phần sinh. Ngoài ra, tất cả phần sinh đều được phi số diệt.

Tất cả phần sinh của A-la-hán đều được phi số diệt.

Lại nữa, bấy giờ, hành giả đã chứng ngay kiến đạo, tu đạo, dứt trừ phiền não của ba cõi.

Tu-đà-hoàn chứng ngay kiến đạo, đã dứt trừ phiền não của ba cõi.

Tư-đà-hàm đã chứng ngay kiến đạo, đã dứt trừ phiền não của ba cõi và tu đạo đã dứt trừ sáu thứ phiền não của ba cõi Dục.

A-na-hàm đã chứng ngay kiến đạo, đã dứt trừ phiền não của ba cõi và tu đạo dứt chín thứ phiền não cõi.

A-la-hán đã chứng ngay kiến đạo, tu đạo, đã dứt trừ phiền não của ba cõi.

Lại nữa, quả Sa-môn cội gốc, thối chuyển, không qua đời. Quả trung gian lui sụt thì qua đời.

Lại nữa, vì đối với năm đường, nên nói bốn quả Sa-môn:

Quả Tu-đà-hoàn, đối với đường địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ.

Quả Tư-đà-hàm, đối với phần ít cõi người.

Quả A-na-hàm, hoàn toàn đối với cõi người.

Quả A-la-hán đối với cõi trời.

Lại nữa, vì đối với bốn thứ sinh quả Tu-đà-hoàn đối với thấp sinh, Noãn sinh. Quả Tư-đà-hàm đối với phần ít thai sinh, quả A-na-hàm, hoàn toàn đối với thai sinh, quả A-la-hán đối với hóa sinh.

Lại nữa, vì đối với hai thứ tư duy:

1. Tư duy dứt căn thiện.

2. Tư duy gây ra nghiệp năm tội nghịch.

Quả Tu-đà-hoàn đối với tư duy dứt căn thiện.

Quả Tư-đà-hàm đối với tư duy gây ra nghiệp năm nghịch.

Quả A-na-hàm đối với nghiệp báo của chúng sinh.

Quả A-la-hán đối với ấm thọ nhận báo của chúng sinh.

Vì sao? Vì thọ nhận báo thì phải dựa vào ấm.

Lại nữa, đối với ba pháp nên:

Quả Tu-đà-hoàn đối với ba kiết.

Quả Tư-đà-hàm đối với ba căn bất thiện mỏng dần và dục lậu.

Quả A-na-hàm hoàn toàn đối với ba căn bất thiện và dục lậu.

Quả A-la-hán đối với hữu lậu, vô minh lậu.

Lại nữa, đối với bốn lưu nên:

Quả Tu-đà-hoàn đối với kiến lưu.

Quả Tư-đà-hàm đối với phần ít của dục lưu.

Quả A-na-hàm dứt ráo đối với dục lưu.

Quả A-la-hán đối với hữu lưu, vô minh lưu.

Đối với ách cũng giống như thế.

Lại nữa, đối với bốn thủ nên:

Quả Tu-đà-hoàn đối với kiến thủ, thủ giới thủ, thủ.

Quả Tư-đà-hàm đối với phần ít của dục thủ.

Quả A-na-hàm hoàn toàn đối với dục thủ.

Quả A-la-hán đối với ngã ngữ thủ.

Lại nữa, đối với pháp ba lần năm pháp nên:

Quả Tu-đà-hoàn đối với ba kiết trong phần dưới của nghi cái.

Quả Tư-đà-hàm đối với phần ít hai kiết trong phần dưới của cái còn lại.

Quả A-na-hàm hoàn toàn đối với hai kiết trong phần dưới của cái còn lại.

Quả A-la-hán đối với kiết phần trên.

Lại nữa, đối với các kiến và thân sáu ái:

Quả Tu-đà-hoàn đối với năm kiến.

Quả Tư-đà-hàm đối với phần ít của xúc nơi mũi, lưỡi, sinh ái thân.

Quả A-na-hàm hoàn toàn đối với xúc của mũi, lưỡi, sinh ái thân.

Quả A-la-hán đối với ái thân còn lại.

Lại nữa, đối với bảy sử nên:

Quả Tu-đà-hoàn đối với sử kiến, sử nghi.

Quả Tư-đà-hàm đối với sử dục ái, phần ít sử giận dữ.

Quả A-na-hàm, hoàn toàn đối với sử dục ái, sử giận dữ.

Quả A-la-hán đối với sử còn lại.

Lại nữa, đối với chín kiết nên:

Quả Tu-đà-hoàn đối với kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi.

Quả Tư-đà-hàm đối với phần ít kiết giận dữ, kiết ganh tỵ, kiết keo kiệt.

Quả A-na-hàm, hoàn toàn đối với kiết giận dữ, kiết ganh tỵ, kiết keo kiệt.

Quả A-la-hán đối với kiết còn lại.

Lại nữa, vì đối với chín mươi tám sử nên:

Quả Tu-đà-hoàn đối với sử, do kiến đạo ba cõi dứt trừ.

Quả Tư-đà-hàm đối với phần ít sử, do tu đạo cõi Dục dứt trừ.

Quả A-na-hàm hoàn toàn đối với tu đạo cõi Dục dứt trừ.

Quả A-la-hán đối với sử, do tu đạo cõi Sắc, cõi Vô sắc dứt trừ.

Hỏi: Vì sao khi lìa ái cõi Dục, lập hai quả Sa-môn: Quả Tư-đà-hàm và quả A-na-hàm, lúc lìa ái cõi Sắc, cõi Vô sắc, thì chỉ lập một quả Sa-môn, đó là quả A-la-hán?

Tôn giả Ba-xa nói: Vì đều do lìa ái của ba cõi, nên lập bốn quả Sa-môn, vì dứt trừ kiết, của kiến đạo ba cõi, nên lập quả Tu-đà-hoàn.

Vì dứt trừ kiết, kiến đạo ba cõi và sáu thứ kiết, của tu đạo cõi Dục, nên lập quả Tư-đà-hàm. Vì dứt trừ kiết, do kiến đạo ba cõi dứt trừ và chín thứ kiết, do tu đạo cõi Dục dứt trừ, nên lập quả A-na-hàm.

Vì dứt trừ kiết, kiến đạo, tu đạo ba cõi, nên lập quả A-la-hán.

Lại nữa, cõi Dục là cõi bất định, chẳng phải cõi tu, chẳng phải địa định, chẳng phải địa lìa dục, nên khi lìa dục cõi Dục, có lập hai quả Sa-môn. Cõi Sắc, cõi Vô sắc là địa tu, địa định, địa lìa dục, do đó khi lìa ái của các cõi đó chỉ lập một quả Sa-môn.

Lại nữa, cõi Dục khó dứt trừ, khó hủy hoại, khó vượt qua, vì cho nên khi lìa dục cõi Dục, thì lập hai quả Sa-môn. Vì cõi Sắc, cõi Vô sắc trái với cõi Dục này, nên khi lìa ái của hai cõi kia, chỉ lập một quả Sa-môn.



Lại nữa, cội Dục nặng về lỗi lầm tai hại, nên khi lia dục cội Dục, thì lập hai quả Sa-môn. Cội Sắc, cội Vô sắc trái với cội Dục này, nên khi lia ái cội Sắc, cội Vô sắc kia, chỉ lập một quả Sa-môn.

Lại nữa, vì cội Dục này là dòng nước chảy xiết khó vượt qua, nên khi lia dục cội Dục, thì lập hai quả Sa-môn. Giống như có người vào trong khe núi, sông lớn nước rộng sâu, chảy xiết dễ bị nước cuốn trôi, phải dừng nghỉ nhiều chặng, sau đó mới tìm chỗ cạn lội qua, cũng thế.

Cội Dục là cội của dòng chảy cuốn trôi. Như kinh nói: Chủ thôn nên biết! Dòng chảy cuốn trôi là năm dục thượng diệu. Khi lia bỏ dục ấy, thì lập hai quả Sa-môn. Cội Sắc, cội Vô sắc trái với cội Dục này, nên lia dục của hai cội ấy, chỉ lập một quả Sa-môn!

Lại nữa, các phiền não cội Dục đã gây ra nghiệp rất nặng, nên cũng phải xem trọng lia dục cội ấy, do vậy, phải lập hai quả Sa-môn. Vì như người gánh nặng lên dốc núi đầy gian nan nguy hiểm, phải thường dừng lại nghỉ ngơi, sau đó mới đến chỗ đất bằng. Mặc dù gánh nặng, nhưng vẫn có thể đến được chỗ xa. Cũng thế, các phiền não cội Dục đã gây ra nghiệp rất nặng, nên cũng xem trọng khi lia dục cội Dục, do đó lập hai quả Sa-môn. Cội Sắc, cội Vô sắc trái với cội Dục này, nên khi lia dục cội ấy, chỉ lập một quả Sa-môn.

Lại nữa, cội Dục là cội đầy đầy bần lầy, cấu uế. Nên khi lia dục cội ấy, lập hai quả Sa-môn. Cội Sắc, cội Vô sắc trái với cội Dục này, nên khi lia dục của hai cội ấy, chỉ lập một quả Sa-môn. Ví như cất nhà trên đồng phân cấu uế, người ở không ưa. Cũng thế, cội Sắc, cội Vô sắc dù rất tốt đẹp, nhưng vì dưới có cội Dục đầy đầy bất tịnh, nên các Hiền, Thánh không ưa. Vì cho nên Tôn giả tăng-già-bà-tu nói rằng: Cội Dục có nhiều lỗi lầm xấu ác, nghĩa là nơi cha, mẹ, anh, em, chị, em, vợ con chết mất, mất hết của cải vật dụng, phải chịu đủ các thứ đau khổ, với bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh: Nên khi lia dục của xứ này, lập hai quả Sa-môn, cũng không có lỗi.

Lại nữa, do cội Dục có thân nam, thân nữ, nên khi lia dục cội ấy, lập hai quả Sa-môn. Ở cội Sắc, cội Vô sắc, chỉ có thân nam, nên khi lia dục của hai cội đó, chỉ lập một quả Sa-môn.

Lại nữa, ở cội Dục có căn nam, căn nữ, nên khi lia dục cội ấy, lập hai quả Sa-môn. Ở cội Sắc, cội Vô sắc, không có căn nam, căn nữ, nên khi lia dục của hai cội ấy, chỉ lập một quả Sa-môn.

Lại nữa, cội Dục có hai thứ phiền não, đó là bất thiện, vô ký nên khi lia dục cội đó, lập hai quả Sa-môn. Ở cội Sắc, cội Vô sắc chỉ có một thứ phiền não, đó là vô ký, nên khi lia dục của hai cội ấy, chỉ lập một

quả Sa-môn. Như bất thiện, vô ký, sinh có báo, không báo, hai quả, một quả, tương ứng với không hổ, không thẹn, không tương ứng với không hổ, không thẹn, phải biết cũng giống như thế.

Lại nữa, do cõi Dục có những lỗi lầm của căn ưu, căn khổ, không hổ, không thẹn, ganh tỵ, keo kiệt, ăn uống, yêu, dâm dục, khát ái, các cái, năm dục như thế v.v..., nên khi lìa dục cõi đó, lập hai quả Sa-môn, Ở cõi Sắc, cõi Vô sắc không có các lỗi như thế, nên khi lìa dục của hai cõi ấy, chỉ lập một quả Sa-môn.

Hỏi: Sa-môn của Thánh đạo, vì là quả của bậc Thánh, nên gọi là quả Sa-môn. Nếu do đạo vô lậu, đạt được quả Sa-môn, thì có thể như vậy. Nếu do đạo thế tục mà được quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm thì sao có thể như thế?

Đáp: Như dùng đạo vô lậu để lìa ái dục, theo thứ lớp lập quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm. bậc Thánh dùng đạo thế tục để lìa ái dục, cũng theo thứ lớp lập ra quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm.

Tôn giả tăng-già-bà-tu nói: Dùng đạo thế tục để dứt trừ kiết là đạo vô lậu, tu hai quả Sa-môn ở vị lai, là quả của đạo vô lậu đó.

Không nên nói như thế. Vì sao? Vì đạo vị lai không thể có chỗ tạo tác.

Lại có thuyết nói: dùng đạo thế tục hiện tiền dứt trừ kiết là đạt được đạo vô lậu, sinh trong mọi lúc, không có dứt dứt hai quả Sa-môn, tức là quả kia. Không nên nói như thế. Vì sao? Vì chẳng phải quả kia.

Lại có thuyết nói: Định Kim cương dụ là Sa-môn thật nghĩa, vì chứng chung kiến đạo, tu đạo của ba cõi, đã dứt phiền não, đạt giải thoát, tức là quả Sa-môn kia.

**Lời bình:** Vì theo phần nhiều, nên gọi là quả Sa-môn. Quả của Thánh đạo nhiều, chứ chẳng phải quả của đạo hữu lậu nhiều. Nếu do đạo thế tục mà được quả Tư-đà-hàm, thì kiết, do kiến đạo ba cõi dứt, đã được dứt là quả Sa-môn. Sáu thứ kiết do tu đạo dứt, thuộc cõi Dục, đều là quả của đạo thế tục. Nếu dùng đạo thế tục để được quả A-na-hàm, thì kiết, do kiến đạo ba cõi dứt, đã được dứt là quả Sa-môn. Chính thứ kiết, do tu đạo cõi Dục dứt trừ, đã được dứt là quả của đạo thế tục.

Cho nên, phải biết, vì theo phần nhiều, nên gọi là quả Sa-môn.

Hỏi: Bốn quả Sa-môn, có bao nhiêu quả là giả danh? Bao nhiêu quả là thật nghĩa?

Đáp: Hai quả là giả danh: quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, hai quả là thật nghĩa: quả Tu-đà-hoàn, quả A-la-hán.

Hỏi: Vì sao hai là giả danh, hai là thật nghĩa?

Đáp: Do hai quả này hoặc dùng đạo thế tục để đạt được, hoặc dùng đạo vô lậu để đạt được, quả Tu-đà-hoàn, quả A-la-hán đều dùng đạo vô lậu đạt được.

Lại nữa, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm do đạo thế tục giả danh đạt được nên quả cũng là giả danh. Quả Tu-đà-hoàn, quả A-la-hán không do đạo giả danh đạt được, nên gọi là thật nghĩa.

Lại nữa, vì đạo thế tục, đạo vô lậu được, nên gọi là giả danh.

Lại có thuyết nói: Hai quả là thật nghĩa: quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Vì sao? Vì Phật, Bích-chi Phật, Thanh văn, đều được hai quả này.

Hỏi: Vật ngoài, hoặc được quả nhiều, hoặc được quả ít. Pháp dứt thì không như thế. Vì sao nói là quả?

Đáp: Vì phương tiện, nên nói là quả. Hành giả ở trong phòng nhà, vắng lặng nơi núi cao, đối với các vật ăn uống, giúp cho sự sống, đều biết lường tính, thọ nhận pháp một, bảy, sáu, bảy, pháp Đảnh an thiền, trấn hành thiền, nhờ vào sức tinh tiến kiên cường, nên sinh ra pháp như thế. Bấy giờ Sư kia dùng lời nói an ủi sâu xa: Lành thay! Lành thay! Ông đã hành theo chánh phương tiện, nên nay được quả này.

Ví như nhà nông đã bỏ công sức, cày bừa gieo cấy nơi ruộng nương trong tháng sáu, về sau thu hoạch được lúa tốt, chứa để trâu giữ. Các nông phu cũ an ủi người mới: Lành thay! Lành thay! Ông đã siêng năng, khó nhọc suốt tháng sáu, nay mới được kết quả này. Quả kia cũng giống như thế.

Hỏi: Bốn quả Sa-môn này, bao nhiêu quả là quả thiên? Bao nhiêu quả là quả của định Vô sắc? Bao nhiêu quả là quả của thiên cội gốc? Bao nhiêu quả là quả của biện thiên? Bao nhiêu quả là quả của định Vô sắc cội gốc? Bao nhiêu quả là quả của biện định Vô sắc? Bao nhiêu quả là quả của kiến đạo? Bao nhiêu quả là quả của Tu đạo? Bao nhiêu quả là quả của Nhẫn? Bao nhiêu quả là quả của Trí? Bao nhiêu quả là quả của Pháp trí? Bao nhiêu quả là quả của Tỷ trí? Bao nhiêu quả là quả của phần pháp trí? Bao nhiêu quả là quả của phần tỷ trí? Bao nhiêu quả là quả của đạo hữu lậu? Bao nhiêu quả là quả của đạo vô lậu? Bao nhiêu quả là quả của thiên?

Đáp: Bốn quả là quả của thiên và quả quyển thuộc.

Bao nhiêu quả là quả của định Vô sắc?

Đáp: Một là quả của định Vô sắc, nghĩa là quả A-la-hán.

Bao nhiêu quả là quả của bên thiên cội gốc?

Đáp: Hai. Đó là quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

Bao nhiêu quả là quả của thiên biên?

Đáp: Bốn: Nghĩa là Bên Sơ thiền, chẳng phải bên thiền khác.

Bao nhiêu quả là quả của định Vô sắc cội gốc?

Đáp: Một, đó là quả A-la-hán

Bao nhiêu quả là quả của bên định Vô sắc?

Đáp: Không có.

Bao nhiêu quả là quả của kiến đạo?

Đáp: Ba, trừ quả A-la-hán.

Bao nhiêu quả là quả của Tu đạo?

Đáp: Ba, trừ quả Tu-đà-hoàn.

Bao nhiêu quả là quả của Nhẫn?

Đáp: Ba, trừ quả A-la-hán.

Bao nhiêu quả là quả của Trí?

Đáp: Ba, trừ quả Tu-đà-hoàn.

Bao nhiêu quả là quả của Pháp trí?

Đáp: Ba, trừ quả Tu-đà-hoàn.

Bao nhiêu quả là quả của Tỷ trí?

Đáp: Một, đó là quả A-la-hán.

Bao nhiêu quả là quả của phần pháp trí?

Đáp: Ba, trừ quả Tu-đà-hoàn.

Bao nhiêu quả là quả của phần tỷ trí?

Đáp: Bốn.

Bao nhiêu quả là quả của đạo thế tục?

Đáp: Hai: Quả Tư-đà-hàm và quả A-na-hàm.

Bao nhiêu quả là quả của đạo vô lậu?

Đáp: Bốn.

Kinh Phật nói: Vua A-xà-thế, con của bà Vi Đề Hy ở nước Ma-già-đà, đi đến chỗ Phật, trún lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một phía, bạch Phật: Thế tôn vì con lập bày quả Sa-môn hiện pháp, có thể được chăng?

Phật đáp: Có thể được.

Phật bảo vua: Nay ta hỏi ông tùy ý của ông mà đáp. Ý ông nghĩ sao? Nếu kẻ hầu cận, của Đại vương và các tôi tớ là những kẻ không tự tại, thấy đại vương bước lên cung điện cao, với năm thứ nhạc tự vui chơi, thọ hưởng các thứ hoan lạc, bèn nghĩ: Ta cũng là người, nhưng Vua do tu phước đức nhiều, nên bước lên cung điện cao, năm thứ dục lạc tự vui chơi, thọ các khoái lạc. Chúng ta cũng nên tu các nghiệp phước. Tin hiểu nhà chẳng phải nhà, nên cạo râu tóc, bỏ nhà, xuất gia!

Thời gian sau, kẻ tôi tớ ấy xuất gia, tu hành mười điều thiện: Từ

không sát sinh cho đến chánh kiến. Một người hầu khác của vua ở bên ngoài chứng kiến việc trên, hoặc đến tâu vua: Muôn tâu Đại vương! Kẻ tôi tớ, hầu cận đại vương, kẻ không tự tại, đã cạo bỏ râu tóc, xuất gia, học đạo, tu hành mười điều thiện. Nay đại vương nên đem hấn ta trở lại làm kẻ sai khiến của đại vương như trước. Vậy, đại vương có y như lời tâu ấy, đem tôi tớ trở lại để phục dịch, có y lời dẫn đến đó chăng?

Bạch không! Con nên đến đó để chứng kiến, gần, cung kính. Như người ấy, ngày trước đã lễ kính, đón rước con. Nay con cũng phải lễ kính, đón rước, cung kính người ấy trở lại. Con phải trọn đời cung cấp cho người ấy các thứ vật dụng giúp ích cho cuộc sống như: Y phục, thức ăn uống, phòng nhà, giường nằm, các vật dụng cần cho sự sống!

Đại vương nên biết, các việc như vậy, há chẳng phải quả Sa-môn hiện pháp đó sao?

Vua bạch Phật: Thật như lời bậc Thánh dạy bảo.

Hỏi: Quả Sa-môn có bốn. Nay vì sao nói năm quả Sa-môn?

Đáp: Đây là quả công dụng gần của người xuất gia. Như kinh Sư Tử Hống lại nói: Xứ này có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba, Sa-môn thứ tư, chẳng phải kẻ Không hành của Bà-la-môn, Sa-môn ngạo đạo khác. Các thầy cần tạo nên tiếng gầm của sư tử như thế. Xứ này có Sa-môn đầu tiên, cho đến Sa-môn thứ tư:

Sa-môn đầu tiên là tu-đà-hoàn, Sa-môn thứ hai là Tư-đà-hàm, Sa-môn thứ ba là A-na-hàm, Sa-môn thứ tư là A-la-hán.

Tôn giả Ba-xa nói: Phật, Thế tôn trước kia đã nói pháp cội gốc theo thứ lớp: Sa-môn đầu tiên là A-la-hán, Sa-môn thứ hai là A-na-hàm, Sa-môn thứ ba là Tư-đà-hàm và Sa-môn thứ tư là tu-đà-hoàn.

Kinh Tu-bạt-đà-la lại nói: Tu-bạt-đà-la nên biết! Nếu ở xứ này có tám Thánh đạo, thì có quả Sa-môn đầu tiên, cho đến quả Sa-môn thứ tư.

Hoặc có thuyết nói: Ở đây nói bốn hướng là Sa-môn:

Sa-môn đầu tiên là hướng chứng quả Tư-đà-hàm, Sa-môn thứ hai, là hướng chứng quả Tu-đà-hoàn. Sa-môn thứ ba là hướng chứng quả A-na-hàm, Sa-môn thứ tư là hướng chứng quả A-la-hán.

Tôn giả Ba-xa nói: Trong đây nói bốn hướng, bốn quả là Sa-môn. Như nói: Tu-bạt-đà-la nên biết! Nếu ở chỗ có tám Thánh đạo, thì phải biết, nói hướng, tức là có Sa-môn đầu tiên, cho đến Sa-môn thứ tư, phải biết là nói về quả.

Kinh Thuần-đà lại nói: Có bốn Sa-môn, không có Sa-môn thứ năm. Bốn Sa-môn là:

1. Sa-môn Thắng đạo.
2. Sa-môn thuyết đạo.
3. Sa-môn đạo mạng.
4. Sa-môn quá đạo.

Sa-môn thắng đạo: là Phật, Thế tôn. Vì sao? Vì Phật có trí Tự nhiên. Bích-chi Phật cũng vậy.

Sa-môn thuyết đạo: như Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... Vì sao? Vì theo Phật chuyển pháp luân. Các Thanh văn Vô học khác cũng vậy.

Sa-môn đạo mạng: là như Tôn giả A-nan. Vì sao? Vì Tôn giả A-nan là Hữu học, cũng giúp người khác trụ trong pháp Hữu học, học rộng, giữ giới đầy đủ. Các Thanh văn Hữu Học khác cũng vậy.

Sa-môn quá đạo: Như kẻ tên cướp Ma Ha La.

Hỏi: Sa-môn như kinh Sư Tử Hống nói, Sa-môn như kinh Tu-bạt-đà-la nói, và Sa-môn như kinh Thuần-đà nói, có gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Kinh Sư Tử Hống nói là Sa-môn trụ quả. Kinh Tu-bạt-đà-la nói là Sa-môn trụ hưởng, Kinh Thuần-đà nói là Sa-môn ở hưởng, trụ quả.

Lại có thuyết nói: Kinh Sư Tử Hống, kinh Tu-bạt-đà-la nói là Sa-môn trụ quả, kinh Thuần-đà nói là tất cả Sa-môn.

Lại có thuyết nói: Kinh Sư Tử Hống, kinh Tu-bạt-đà-la nói là Sa-môn bậc Thánh. Kinh Thuần-đà nói là Sa-môn phạm phu, bậc Thánh.

Lại có thuyết nói:: Kinh Sư Tử Hống, kinh Tu-bạt-đà-la nói là Sa-môn Hữu học, Vô học. Kinh Thuần-đà nói là Sa-môn Hữu Học, Vô học, phi học phi Vô học.

Lại có thuyết nói:: Kinh Sư Tử Hống, kinh Tu-bạt-đà-la nói là Sa-môn tịnh giới. Kinh Thuần-đà nói là Sa-môn giới tịnh và giới bất tịnh.

Lại có thuyết nói: Sa-môn như kinh Sư Tử Hống đã nói, thì kinh Tu-bạt-đà-la, kinh Thuần-đà nói cũng vậy. Như Sa-môn kinh Tu-bạt-đà-la nói, kinh Sư Tử Hống, kinh Thuần-đà nói cũng vậy. Như Sa-môn mà kinh Thuần-đà đã nói, kinh Sư Tử Hống, kinh Tu-bạt-đà-la nói cũng vậy.

Hỏi: Nếu vậy thì thuyết này làm sao hiểu được? Như nói: Tạo nên tiếng gầm của sư tử như thế. Trong chúng này của ta có Sa-môn đầu tiên, cho đến Sa-môn thứ tư, Đức Thế tôn cũng nói người ác giới, phá các oai nghi, xa lìa pháp thiện mà là sư tử gầm sao?

Đáp: Cũng nói.vì sao? Vì người kia dù phá giới, nhưng không phá kiến, dù phá phương tiện, nhưng không phá tâm trông mong.

Nếu người khác hỏi về việc là tốt hay không tốt?

Đáp: không tốt.

Là việc Sa-môn nên làm hay không nên làm?

Đáp: không nên làm việc này.

Là có báo hay không có báo?

Đáp: Có báo.

Báo này, là có thể thọ nhận đường ác hay không?

Là thọ nhận trong đường ác hay thọ nhận trong cõi người, cõi trời?

Đáp: Là thọ nhận trong đường ác

Là thân mình thọ nhận, hay thân người thọ nhận?

Đáp: Là thân mình thọ nhận, chẳng phải thân người thọ nhận.

Vì là lỗi của thầy hay là lỗi của kinh?

Đáp: Chẳng phải là lỗi của thầy, cũng chẳng phải lỗi của kinh, mà là lỗi của chính mình. Chánh kiến như thế, là không ngu đối với nhân duyên, tức không có trong chín mươi sáu thứ đạo. Cho nên Đức Thế tôn đã gầm lên tiếng gầm của Sư tử ở trong chúng này.

Kinh Phật nói: Thế gian có ba người, được gọi là có nhiều kế hoạch nơi việc làm. Việc họ đã làm, không dễ gì có thể báo đáp. Nếu suốt đời đem y phục, thức uống, ăn, tùy bệnh cho thuốc, mà cúng dường thì cũng không thể đền đáp hết. Thế nào là ba? Như có người vì người khác nói pháp, khiến người kia tin hiểu nhà chẳng phải nhà, rồi bỏ nhà, xuất gia. Đó gọi là người đầu tiên, phần nhiều có việc làm, không dễ gì có thể báo đáp.

Kế, lại có người vì người khác giảng nói pháp, khiến người khác có thể biết pháp chứa nhóm đều là tướng Diệt, đối với các pháp xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Việc làm của người ấy không dễ gì có thể đền đáp, cho đến nói rộng.

Kế, lại có người vì người khác giảng nói pháp, có thể khiến cho người khác dứt hết hữu lậu, trở thành tâm vô lậu, được tuệ giải thoát, được tự thân giải thoát, tác chứng. Việc làm của người này không dễ gì có thể báo đáp, cho đến nói rộng.

Hỏi: Như dạy người khiến thọ giới Ưu-bà-tắc, người ấy cũng được gọi là người thường có việc làm không dễ gì báo đáp. Vì sao trong đây không nói?

Đáp: Nên nói mà không nói, phải biết là thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, vì giới xuất gia là nhân quả, nên giới xuất gia là nhân của giới Tỳ-kheo, là quả của giới Ưu-bà-tắc.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, gọi là chỉ dạy người khác vào

pháp giả danh. Vào pháp có hai thứ:

1. Vào pháp giả danh.
2. Vào pháp thật nghĩa.

Vào pháp giả danh là Cạo bỏ râu tóc, xuất gia. Vào pháp thật nghĩa là trụ trong pháp Thế đệ nhất, nhập khổ pháp nhãn.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, tức là chỉ dạy người khác thoát khỏi các khổ bị phục dịch bị sai khiến.v.v...

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, cứu giúp họ thoát ly các khổ hiện hữu và không bao lâu, cũng sẽ được xa lìa các khổ về sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, tức là khiến cho người được hiện pháp lạc, chẳng bao lâu, họ cũng sẽ được vui tự tại.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, thì giả gọi là pháp xuất thế gian của Phật, chẳng bao lâu họ cũng sẽ đạt được thật nghĩa, là pháp xuất thế gian của Phật.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, chính là chỉ dẫn cho người khác về ba giới, ba thân, ba học, ba tu, ba tịnh, ba đạo, ba địa, ba căn, ba thứ Bồ-đề.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, tức được đạo giải thoát quyết định. Như nói: Nếu người nào có thể cạo bỏ râu tóc, xuất gia thì người đó chắc chắn thấy biết pháp bốn chân đế.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, tức là chỉ bảo người khiến cho thân họ ít việc. Thân ít việc thì có thể sinh tâm ít việc. Thân xa, tâm xa, thân tịnh, tâm tịnh, thân tốt đẹp, tâm tốt đẹp, thân đoan nghiêm, tâm đoan nghiêm cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, thì chính là chỉ dạy người cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa. Cạo bỏ râu tóc thì có thể sinh ra tịch tĩnh, mặc áo cà sa thì lìa bỏ điều ác.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, thì khiến cho người được nghiệp vô tận, của cải vô tận, nghiệp không có lỗi, của cải không có lỗi.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, sẽ khiến cho họ suốt đời giữ giới, tịnh tu phạm hạnh như Thương-khư, Chư-lợi.

Thương-khư, Chư-lợi là nghĩa gì? Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Có hai vị tiên:

1. Tên Thương-khư.
2. Tên Chư-lợi.

Đều tịnh tu phạm hạnh, đầy đủ oai nghi, người tại gia không thể



thực hành. Như vẽ trên ngọc kha, gió thổi, trời nắng gay gắt không thể làm cho tiêu mòn. Người tại gia tu hành phạm hạnh, không thể như thế, như nét vẽ trên vỏ sò đều hiện rõ.

Người tại gia tu hành phạm hạnh không thể như thế. Như A-na-hàm, giống như có vợ con, nuôi vật thuộc số chúng sinh, số phi chúng sinh, phạm phu, bậc Thánh không khác nhau.

Lại nữa, nếu chỉ dạy người xuất gia, tức là chỉ cho người biết việc của Đế-thích, Chuyển luân Thánh vương, vua Diêm-la đã mong muốn.

Hỏi: Vì sao chỉ dạy người xuất gia, dẫn đến hai quả, nhưng chỉ nói là quả Tu-đà-hoàn, quả A-la-hán?

Đáp: Đã nói ở trong nghĩa này. Vì sao? Vì xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, ba quả có thể như thế. Người bị ràng buộc đủ, người lìa dục dân, người lìa dục hẳn, được chánh quyết định, đều gọi là xa trần, lìa cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nữa, vì hiện bày chỗ bắt đầu và sau cùng: Bắt đầu là quả Tu-đà-hoàn, sau cùng là quả A-la-hán. Như bắt đầu, sau cùng, mới nhập, đã độ, phương tiện rốt ráo, nói cũng giống như thế.

Lại nữa, hai quả này hoàn toàn là do đạo vô lậu đạt được, chẳng phải đạo hữu lậu. Hai quả do đạo hữu lậu, vô lậu đạt được. Như đạo hữu lậu, vô lậu, đạo giải thoát, đạo ràng buộc cũng giống như thế.

Lại nữa, hai quả này đều vượt qua người cõi Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, được quả Tu-đà-hoàn. Vượt qua kiết, do kiến đạo nơi Phi tưởng Phi phi tưởng xứ dứt trừ, mới được quả A-la-hán vượt qua kiết, do tu đạo nơi Phi tưởng Phi phi tưởng xứ dứt trừ, mới được.

Lại nữa, từ môn hiện có hiện tóm lược này nên có quả Sa-môn, hoặc do kiến đạo mà được, hoặc do tu đạo mà được. Nếu nói về quả Tu-đà-hoàn, phải biết là đã nói kiến đạo được. Nếu nói về quả A-la-hán, nên biết là đã nói tu đạo được. Như kiến đạo, tu đạo, kiến địa, địa tu, vị tri dục tri căn, tri căn, nói cũng giống như thế.

Lại nữa, có quả Sa-môn, hoặc nhân nơi kiến đạo đã dứt hết kiết mà lập, hoặc nhân tu đạo đã dứt hết kiết mà lập. Như chỗ dứt kiến đạo duyên với phiền não không thực có, duyên với phiền não thực có. Nhẫn đối trị phiền não, trí đối trị phiền não cũng giống như thế.

Lại nữa, đã nói trong nghĩa này. Vì sao? Vì tất được, nên nếu được quả Tu-đà-hoàn, tất được quả Tư-đà-hàm. Nếu được quả A-la-hán, thì là do quả A-na-hàm.

Tu-đà-hoàn thành tựu các pháp Hữu học. Pháp đó thuộc về quả Tu-đà-hoàn?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Trước đã nói về quả Sa-môn vô vi. Nay vì muốn nói về quả Sa-môn hữu vi, vô vi, nên soạn luận này.

Tu-đà-hoàn đã thành tựu các pháp Hữu học, pháp đó có thuộc về quả Tu-đà-hoàn hay không?

Đáp: Có khi thuộc có khi không thuộc.

Thế nào là thuộc?

Đáp: Quả Tu-đà-hoàn hữu vi được rồi không mất. Được nghĩa là Tín giải thoát được các căn của Tín giải thoát. Kiến đáo được các căn của Kiến đáo. Không mất nghĩa là Tín giải thoát không chuyển căn, tạo ra Kiến đáo, không mất các căn của Tín giải thoát.

Thế nào là không thuộc?

Tu-đà-hoàn tiến tới trước, được các căn vô lậu thù thắng vô diệu. Tiến tới trước, nghĩa là đạo phương tiện, sáu đạo vô ngại, năm đạo giải thoát.

Đạo tiến tới trước như thế v.v... đã có pháp Hữu học, thành tựu Tu-đà-hoàn, pháp đó chẳng thuộc về quả Tu-đà-hoàn. Vì sao? Vì đạo tiến tới trước chẳng thuộc về quả.

Nếu pháp thuộc về quả Tu-đà-hoàn, pháp ấy là học chẳng?

Đáp: Hoặc là học, hoặc là phi học phi Vô học.

Thế nào là học?

Đáp: Là quả Tu-đà-hoàn hữu vi, nghĩa là Đạo tỷ trí và quyển thuộc.

Thế nào là Phi học phi Vô học?

Là quả Tu-đà-hoàn vô vi. Nghĩa là dứt kiết, do kiến đạo ba cõi dứt trừ.

Tư-đà-hàm thành tựu các pháp Hữu học, pháp ấy thuộc về quả Tư-đà-hàm chẳng?

Đáp: Có khi thuộc về, có khi không thuộc về.

Thuộc về là sao?

Đáp: Là quả Tư-đà-hàm hữu vi đã, được rồi không mất. Được nghĩa là Tín giải thoát được các căn của Tín giải thoát, Kiến đáo được các căn của Kiến đáo. Không mất nghĩa là Tín giải thoát không chuyển căn, tạo ra Kiến đáo, nên không mất các căn của Tín giải thoát.

Không thuộc về quả Tư-đà-hàm là sao? Tiến tới trước, đã được các căn vô lậu vi diệu thù thắng. Tiến tới trước, nghĩa là đạo phương tiện, ba đạo vô ngại, hai đạo giải thoát.

Pháp Hữu học, hiện có của đạo tiến tới trước như thế v.v... đã thành tựu Tư-đà-hàm. Pháp đó chẳng thuộc về quả Tư-đà-hàm. Vì sao? Vì đạo tiến tới trước không thuộc về quả.

Nếu pháp thuộc về quả Tư-đà-hàm, thì pháp đó là Hữu học?

Đáp: Có khi là học, có khi là Phi học phi Vô học.

Học nghĩa là quả Tư-đà-hàm hữu vi.

Hoặc là đạo tỷ trí và quyền thuộc. Hoặc là đạo giải thoát thứ sáu và quyền thuộc.

Thế nào là Phi học Phi Vô học?

Đáp: Là quả Tư-đà-hàm vô vi. Nghĩa là kiết, do kiến đạo ba cõi dứt trừ và sáu thứ kiết, do tu đạo cõi Dục dứt trừ.

A-na-hàm thành tựu các pháp Hữu học, pháp đó thuộc về quả A-na-hàm chăng?

Đáp: Có khi thuộc về, có khi không thuộc về.

Thế nào là thuộc về?

Đáp: Là quả A-na-hàm hữu vi được rồi không mất. Được nghĩa là Tín giải thoát được các căn của Tín giải thoát. Kiến đạo, được các căn của Kiến đạo. Không mất, nghĩa là Tín giải thoát không chuyển căn, tạo ra Kiến đạo, không mất các căn của Tín giải thoát.

Thế nào là không thuộc về?

A-na-hàm tiến tới trước, được các căn vô lậu, mẫu nhiệm, thù thắng. Tiến tới trước, nghĩa là đạo phương tiện, chín đạo vô ngại, chín đạo giải thoát, lìa dục của Sơ thiền, cho đến tám đạo giải thoát, chín đạo vô ngại, đạo phương tiện lìa ái của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Tất cả Pháp Hữu học được đạo tiến tới trước như thế v.v..., A-na-hàm thành tựu. Pháp đó chẳng thuộc về quả A-na-hàm. Vì sao? Vì đạo tiến tới trước chẳng thuộc về quả A-na-hàm.

Nếu pháp thuộc về quả A-na-hàm, pháp đó là Hữu học chăng?

Đáp: Có khi là học, có khi là Phi học phi Vô học.

Thế nào là Hữu học?

Đáp: Là quả A-na-hàm hữu vi, hoặc là Đạo tỷ trí và quyền thuộc. Hoặc là giải thoát thứ chín và quyền thuộc.

Thế nào là Phi học phi Vô học?

Đáp: Là quả A-na-hàm vô vi, là kiết, do kiến đạo ba cõi dứt trừ và chín thứ kiết, do tu đạo cõi Dục dứt trừ.

A-la-hán thành tựu các pháp Vô học, pháp đó là thuộc về quả A-la-hán phải chăng?

Đáp: Đúng vậy. Vì sao? Vì tất cả đạo phương tiện, của A-la-hán,

đạo vô ngại, đạo giải thoát, đạo tiến tới, đều thuộc về quả A-la-hán.

Nếu pháp thuộc về quả A-la-hán, thì pháp ấy là Vô học chăng?

Đáp: Có khi là Vô học, có khi là phi học phi Vô học.

Vô học là thế nào?

Đáp: Là quả A-la-hán hữu vi, tận trí, vô sinh trí, Vô học đẳng kiến và quyến thuộc.

Thế nào là Phi học phi Vô học?

Đáp: Là quả A-la-hán vô vi, kiết, do kiến đạo, tu đạo của ba cõi, dứt trừ.

Tu-đà-hoàn đã thành tựu các pháp vô lậu, pháp đó thuộc về quả Tu-đà-hoàn chăng?

Đáp: Có khi thuộc về có khi không thuộc.

Thế nào là thuộc?

Đáp: Là quả Tu-đà-hoàn được rồi thì không mất. Được là Tín giải thoát được quả Tu-đà-hoàn nơi tánh của Tín giải thoát. Kiến đạo được quả Tu-đà-hoàn của tánh Kiến đạo. Kiết, do kiến đạo ba cõi dứt trừ. Không mất, nghĩa là Tín giải thoát không chuyển căn, tạo ra Kiến đạo, là quả Tu-đà-hoàn không mất tánh của Tín giải thoát.

Không thuộc là sao? Sự tiến tới trước của quả Tu-đà-hoàn được các căn vô lậu vi diệu thù thắng, do đạo phương tiện, sáu đạo vô ngại, năm đạo giải thoát. Đạo tiến tới như thế v.v... và dứt dần kiết, được tác chứng. Nghĩa là năm thứ kiết, do tu đạo cõi Dục, dứt trừ. Như đạo tiến tới trước chẳng thuộc về quả, dứt kia cũng thế.

Tu-đà-hoàn đã thành tựu phi số diệt. Diệt này chẳng phải quả Tu-đà-hoàn. Vì sao? Vì phi số diệt là vô ký, mà quả Tu-đà-hoàn là thiện.

Nếu pháp thuộc về quả Tu-đà-hoàn, thì pháp đó là vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế! Vì sao? Vì quả Tu-đà-hoàn hữu vi, quả Tu-đà-hoàn vô vi đều là vô lậu.

Tư-đà-hàm đã thành tựu các pháp vô lậu, pháp đó thuộc về quả Tư-đà-hàm chăng?

Đáp: Có khi thuộc về, có khi không thuộc về.

Thế nào là thuộc về?

Đáp: Là quả Tư-đà-hàm được rồi không mất. Được, nghĩa là tánh của Tín giải thoát được quả Tư-đà-hàm của Tín giải thoát. Kiến đạo được quả Tư-đà-hàm của tánh Kiến đạo. Kiết do kiến đạo ba cõi, đã dứt trừ và sáu thứ kiết, do tu đạo cõi Dục, dứt trừ. Không mất, nghĩa là Tín giải thoát không chuyển căn tạo ra Kiến đạo, là quả Tư-đà-hàm không mất tánh của Tín giải thoát.

Thế nào là không thuộc về? Sự tiến tới trước của quả Tư-đà-hàm được các căn vô lậu mâu nhiệm thù thắng do đạo phương tiện, ba đạo vô ngại, hai đạo giải thoát. Đạo như thế v.v... và dứt dần kiết, được tác chứng. Nghĩa là hai thứ kiết, do tu đạo cõi Dục, dứt trừ. Như đạo tiến tới trước chẳng phải thuộc về quả Tư-đà-hàm, Đoạn cũng giống như thế.

Quả Tư-đà-hàm đã thành tựu phi số diệt. Diệt này chẳng phải quả Tư-đà-hàm. Vì sao? Vì phi số diệt là vô ký, còn quả Tư-đà-hàm là thiện.

Nếu pháp thuộc về quả Tư-đà-hàm, thì pháp đó là vô lậu phải chăng?

Đáp: đúng thế! Vì sao? Vì quả Tư-đà-hàm hữu vi, quả Tư-đà-hàm vô vi, đều là vô lậu.

A-na-hàm thành tựu các pháp vô lậu, pháp ấy có thuộc về quả A-na-hàm chăng?

Đáp: Có khi thuộc về, có khi không thuộc về.

Thế nào là thuộc về?

Đáp: là quả A-na-hàm đã được không mất. Được, nghĩa là Tín giải thoát được quả A-na-hàm nơi tánh của Tín giải thoát. Kiến đạo được quả A-na-hàm, của tánh Kiến đạo. Kiết, do kiến đạo ba cõi đã dứt và chín thứ kiết, do tu đạo dứt cõi Dục đã dứt. Không mất, nghĩa là Tín giải thoát không chuyển căn, tạo ra Kiến đạo. Quả A-na-hàm không mất tánh của Tín giải thoát.

Thế nào là không thuộc về?

Đáp: Sự tiến tới trước của A-na-hàm đã được các căn vô lậu mâu nhiệm thù thắng do chín đạo vô ngại, tám đạo giải thoát, đạo phương tiện lia ái của Sơ thiền như vậy cho đến tám đạo giải thoát, chín đạo vô ngại, đạo phương tiện lia ái của phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Đạo như thế v.v... và dứt dần kiết, được tác chứng. Nghĩa là lia ái của bảy địa và tám thứ ái của phi tưởng, Phi phi tưởng. Như đạo tiến tới trước, chẳng thuộc về quả. dứt kia cũng vậy.

A-na-hàm đã thành tựu phi số diệt, nói rộng như trên.

Nếu pháp thuộc về quả A-na-hàm, pháp đó là vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế, nói rộng như trên.

A-la-hán thành tựu các pháp vô lậu, pháp đó thuộc về quả A-la-hán hay chăng?

Đáp: Có khi thuộc về, có khi không thuộc về.

Thuộc về là sao?

Đáp: Quả A-la-hán đã được không mất. Được nghĩa là thời giải

thoát được tánh của thời giải thoát. Phi thời giải thoát được tánh của phi thời giải thoát. Kiết, do kiến đạo, tu đạo của ba cõi dứt trừ. Không mất, nghĩa là thời giải thoát, không chuyển căn, tạo ra phi thời giải thoát. Quả A-la-hán không mất tánh của thời giải thoát.

Không thuộc về là sao?

Đáp: A-la-hán đã thành tựu phi số diệt, đối với pháp như thế, được phi số diệt. Nghĩa là hữu lậu trói buộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, và pháp vô lậu phi số diệt. Diệt này chẳng phải quả A-la-hán. Vì sao? Vì phi số diệt là vô ký còn quả A-la-hán là thiện.

Nếu pháp thuộc về quả A-la-hán, pháp đó là vô lậu chẳng?

Đáp: Đúng vậy. Vì sao? Vì quả A-la-hán hữu vi, quả A-la-hán vô vi đều là vô lậu.

Tu-đà-hoàn đã thành tựu các pháp, pháp ấy thuộc về quả Tu-đà-hoàn chẳng?

Trong đây, hỏi về pháp chuyển tăng. Trước hỏi về học, kế, hỏi về Vô học, nay hỏi không nhất định: Tu-đà-hoàn đã thành tựu các pháp, pháp ấy thuộc về quả Tu-đà-hoàn chẳng?

Đáp: Hoặc các pháp đã thành tựu quả Tu-đà-hoàn, pháp đó không thuộc về quả Tu-đà-hoàn.

Thế nào là pháp đã thành tựu Tu-đà-hoàn, pháp ấy không thuộc về quả Tu-đà-hoàn.

Đáp: Tu-đà-hoàn tiến tới trước, đã được các căn vô lậu vi diệu thù thắng và dứt dần kiết, được tác chứng. Tu-đà-hoàn đã thành tựu phi số diệt, cũng thành tựu các pháp hữu lậu. Nghĩa là các pháp thiện, nhiễm ô, vô ký không ẩn một. Thiện là số phương tiện thiện, sinh đắc thiện. Nhiễm ô, nghĩa là nhiễm ô, do tu đạo nơi ba cõi dứt trừ. Vô ký không ẩn một là báo oai nghi, công xảo.

Các pháp như thế v.v... Tu-đà-hoàn thành tựu, không thuộc về quả Tu-đà-hoàn.

Thế nào là pháp thuộc về quả Tu-đà-hoàn, pháp đó chẳng phải Tu-đà-hoàn đã thành tựu?

Đáp: Không được quả Tu-đà-hoàn, được rồi liền mất, không được, nghĩa là Tín giải thoát không được quả Tu-đà-hoàn nơi tánh của Kiến đạo. Kiến đạo không được quả Tu-đà-hoàn nơi tánh của Tín giải thoát. Được rồi liền mất, nghĩa là Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đạo, tức là quả Tu-đà-hoàn mất tánh của Tín giải thoát.

Thế nào là pháp thành tựu Tu-đà-hoàn, pháp ấy cũng thuộc về quả Tu-đà-hoàn?

Đáp: Là được quả Tu-đà-hoàn, không mất, nói rộng như trên.

Thế nào là pháp Tu-đà-hoàn không thành tựu, pháp ấy không thuộc về quả Tu-đà-hoàn?

Đáp: Dứt trừ từng ấy việc trên.

Nếu pháp đã được gọi tên, đã nói đến, nghĩa là đã tạo ra các câu thứ nhất, thứ hai, thứ ba. Chưa gọi là chưa nói, nghĩa là tạo ra câu thứ tư. Pháp đo là gì?

Đáp: Có ba thứ: Thiện, nhiễm ô, vô ký không ẩn một. Thiện có hai thứ: Vô lậu, hữu lậu.

Vô lậu nghĩa là tất cả đạo vô lậu trên, dưới.

Hữu lậu, nghĩa là phương tiện thiện, lìa dục thiện và sinh sắc thiện, hoặc vốn không được, hoặc được rồi mất.

Nhiễm ô: Sự nhiễm ô, do kiến đạo ba cõi, tu đạo cõi Dục dứt trừ.

Tu-đà-hoàn đã dứt: Vô ký không ẩn một, nghĩa là báo oai nghi, công xảo. Pháp Tu-đà-hoàn đã không thành tựu: tất cả tâm biến hóa.

Các pháp như thế v.v... vì đã tạo ra câu thứ tư, nên nói là dứt trừ từng ấy việc trên.

Như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm cũng giống như thế.

A-na-hàm đã thành tựu các pháp, các pháp đó có thuộc về quả A-na-hàm chăng? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp.

Thế nào là pháp thành tựu A-na-hàm, pháp đó chẳng thuộc về quả A-na-hàm?

Đáp: A-na-hàm tiến tới trước, được các căn vô lậu, mâu nhiệm, thù thắng và đã dứt trừ kiết, được tác chứng. A-na-hàm đã thành tựu phi số diệt, nói rộng như trên.

A-na-hàm đã thành tựu các pháp hữu lậu khác, pháp đó là gì?

Đáp: Pháp đó có ba thứ: Thiện, nhiễm ô, không ẩn một. vô ký. Thiện, là phương tiện thiện, sinh đắc thiện, lìa dục thiện. Nhiễm ô, nghĩa là sự nhiễm ô, do tu đạo, thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc dứt trừ. Vô ký không ẩn một, nghĩa là báo của oai nghi, công xảo, tâm biến hóa.

Như A-na-hàm đã thành tựu. Thế nào là pháp thuộc về quả A-na-hàm, pháp đó chẳng thành tựu A-na-hàm?

Đáp: Không được quả A-na-hàm, được rồi mà mất. Không được, nghĩa là Tín giải thoát không được quả A-na-hàm nơi tánh của Kiến đạo. Kiến đạo không được A-na-hàm nơi tánh của Tín giải thoát. Được rồi mất: Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đạo, quả A-na-hàm mất tánh của Tín giải thoát.

Thế nào là pháp thành tựu A-na-hàm, pháp đó thuộc về quả A-

na-hàm?

Đáp: Là được quả A-na-hàm không mất. Được, nghĩa là Tín giải thoát được quả A-na-hàm nơi tánh của Tín giải thoát. Kiến đáo được quả A-na-hàm của tánh Kiến đáo. Kiết, do kiến đạo ba cõi đã dứt. Chính thứ kiết, do tu đạo cõi Dục dứt trừ. Không mất là Tín giải thoát không chuyển căn tạo ra Kiến đáo, là quả A-na-hàm không mất tánh của Tín giải thoát.

Thế nào là pháp chẳng phải A-na-hàm thành tựu? Pháp ấy cũng chẳng thuộc về quả A-na-hàm?

Đáp: Trừ từng ấy việc trên.

Nếu pháp đã được gọi tên đã nói đến, nghĩa là tạo ra các trường hợp thứ nhất, thứ hai, thứ ba, chưa gọi chưa nói, nghĩa là tạo ra trường hợp thứ tư, pháp đó là gì?

Đáp: Pháp đó có ba thứ: Thiện, nhiễm ô, vô ký không ẩn một. Thiện: Vô lậu, hữu lậu. Vô lậu là Đạo vô lậu của cõi thượng cõi hạ. Hữu lậu là phương tiện thiện, sinh đắc thiện, lìa dục thiện, hoặc vốn không được hoặc được rồi mất. Nhiễm ô là sự nhiễm ô, mà kiến đạo ba cõi dứt trừ, là sự nhiễm ô, do tu đạo dứt cõi Dục dứt trừ. Vô ký không ẩn một là báo của oai nghi, công xảo, tâm biến hóa. Vốn không được, được rồi liền mất. Các pháp như thế v.v... tạo ra trường hợp thứ tư, nên nói là trừ ngần ấy việc trên.

A-la-hán thành tựu các pháp, pháp đó thuộc về quả A-la-hán chẳng? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp.

Thế nào là pháp do A-la-hán thành tựu. Pháp ấy chẳng thuộc về quả A-la-hán?

Đáp: A-la-hán đã thành tựu phi số diệt, nghĩa là thiện, nhiễm ô, vô ký không ẩn một. A-la-hán đối với pháp này được phi số diệt, A-la-hán đã thành tựu pháp hữu lậu. Pháp này có hai thứ: thiện và vô ký không ẩn một. Thiện là phương tiện thiện, sinh đắc thiện, lìa dục thiện. Vô ký không ẩn một là báo của oai nghi, công xảo, tâm biến hóa nơi A-la-hán đã thành tựu.

Thế nào là pháp thuộc về quả A-la-hán? Pháp ấy chẳng phải A-la-hán thành tựu?

Đáp: A-la-hán vốn không được, được rồi liền mất. Không được: nghĩa là Thời giải thoát không được quả A-la-hán nơi tánh của phi thời giải thoát. Phi thời giải thoát không được quả A-la-hán của tánh giải thoát. Được rồi liền mất: Thời giải thoát chuyển căn tạo ra Bất thời giải thoát, quả A-la-hán mất đi tánh của Thời giải thoát.



Thế nào là pháp A-la-hán thành tựu, pháp đó thuộc về quả A-la-hán?

Đáp: Quả A-la-hán được rồi không mất. Được là Thời giải thoát được quả A-la-hán nơi tánh của Thời giải thoát. Bất thời giải thoát được quả A-la-hán nơi tánh của Bất thời giải thoát. Kiết, do kiến đạo, tu đạo dứt ba cõi dứt trừ. Không mất là A-la-hán của Thời giải thoát không chuyển căn, tạo ra Bất thời giải thoát, quả A-la-hán không mất tánh của Thời giải thoát.

Thế nào là pháp không thành tựu A-la-hán? Pháp đó chẳng thuộc về quả A-la-hán?

Đáp: Trừ ngần ấy việc trên.

Nếu pháp đã xưng, danh đã nói: Tạo ra các trường hợp thứ nhất, thứ hai, thứ ba. Chưa xưng, chưa nói: tạo ra trường hợp thứ tư, pháp đó là gì?

Đáp: Pháp đó có ba thứ: Thiện, nhiễm ô và vô ký không ẩn một. Thiện là Phương tiện thiện, lia dục thiện, sinh đắc thiện. A-la-hán vốn không được, được rồi liền mất. Nhiễm ô: Sự nhiễm ô, do kiến đạo, tu đạo nơi ba cõi dứt trừ. Vô ký không ẩn một: Báo của oai nghi, công xảo, tâm biến hóa.

A-la-hán vốn không được, được rồi bèn mất: Các pháp như thế v.v..., vì tạo ra trường hợp thứ tư, nên nói là trừ ngần ấy việc trên.

Hỏi: Tín giải thoát có chuyển căn, tạo ra Kiến đạo hay không? Nếu chuyển biến, thì trong Kiền-độ Căn vì sao không nói? Như nói: Nếu bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu thì phải chẳng căn đó đều từ quả đến quả?

Đáp: Nếu từ quả đến quả, thì đều bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu.

Có khi nào bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu, mà chẳng phải từ quả đến quả chẳng?

Đáp: Có được đạo chánh quyết định, lúc Tỷ trí hiện tiền, A-la-hán Thời giải thoát chuyển căn, tạo ra pháp bất động.

Tôn giả kia đâu có nhọc mệt gì mà không nói Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đạo? Nếu Tín giải thoát không chuyển căn, tạo ra Kiến đạo thì văn này đã nói, làm sao hiểu được? Như nói: nếu không được quả Tu-đà-hoàn, được rồi liền mất. Nếu Tín giải thoát không chuyển căn, tạo ra Kiến đạo, thì sao lại nói được rồi lại mất? Theo thuyết của Kiền-độ Trí nói làm sao hiểu được, như nói: Tu-đà-hoàn đối với ba tam-muội này, vị lai đều sẽ thành tựu, quá khứ đã diệt không mất, hiện tại, hoặc hiện ở trước, hoặc Tín giải thoát không chuyển căn, tạo ra

Kiến đáo, thì đã diệt tam-muội rồi, làm sao mất? Với Luận Thức Thân nói, làm sao hiểu được ? Như nói: Tâm Vô học quá khứ được tạo ra ba trường hợp gọi là đã biết, không gọi là nay biết, không gọi là sẽ biết. Trong đây, thành tựu đã biết về tên gọi là nói là A-la-hán thời giải thoát, thối chuyển tạo ra Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đáo, lại được quả A-la-hán. Nay không thành tựu, không sẽ thành tựu đạo Thời giải thoát?

Đáp: Nên nói rằng: Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đáo.

Hỏi: Nếu vậy thì thuyết sau nói khéo hiểu nhưng vì sao trong Kiên-độ Căn không nói?

Đáp: Đoạn văn kia nên nói như vậy: Được chánh quyết định, đạo tử trí hiện ở trước, Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đáo, Thời giải thoát chuyển căn tạo ra bất động.

Lẽ ra phải nói như thế, mà không nói là có ý gì?

Đáp: Vì biểu hiện cho chỗ bắt đầu và sau cùng. Bắt đầu là Đạo tử trí, sau cùng là Thời giải thoát chuyển căn tạo ra pháp bất động. Như bắt đầu sau cùng, đầu tiên nhập đã độ phương tiện, rốt ráo cũng giống như thế.

Tôn giả tăng-già-bà-tu nói: Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đáo, đến khi được quả Tư-đà-hàm, cũng gọi là đắc quả, cũng gọi là chuyển căn. Lúc được quả A-na-hàm, vừa gọi là đắc quả, vừa gọi là chuyển căn.

Hỏi Nếu vậy, thì khi được quả Tu-đà-hoàn, sao không gọi là chuyển căn? Lúc được quả A-la-hán, sao không gọi là chuyển căn?

Đáp: Vì ra khỏi cõi Dục thì là pháp cũ, không có chúng sinh, không từng không ra ngoài cõi Dục. Cho nên, khi lìa dục cõi Dục kia, được hai quả Sa-môn, vừa gọi là đắc quả, vừa gọi là chuyển căn. Ra khỏi Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, chẳng phải thường pháp cũ, không có chúng sinh từng qua khỏi. Cho nên, khi lìa dục cõi Dục, được hai quả Sa-môn, chỉ gọi là đắc quả, không gọi là chuyển căn.

Hỏi: Như ông đã nói: Khi được quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, vừa gọi là đắc quả, vừa gọi là chuyển căn, việc này có thể như thế. Thối lui pháp, chuyển căn, tạo ra pháp ghi nhớ, cho đến cùng trụ chuyển căn, tạo ra khả năng tiến tới, vì sao trong đây không nói? Người kia đã tạo ra lời đáp: Đã nói trong nghĩa này. Vì sao biết? Vì thối lui pháp, khi chuyển căn, tạo ra pháp ghi nhớ, sẽ được căn khi pháp ghi nhớ, không xả căn của thối pháp, cho đến cùng trụ chuyển căn, lúc tạo ra năng lực tiến tới, sẽ được căn có thể tiến tới, không xả bốn thứ căn, tiến tới

chuyển căn, lúc tạo ra pháp bất động, được căn bất động không xả năm thứ căn.

Người kia không nên nói rằng! Vì sao? Vì không có một người mà thành tựu hai căn, hướng chi là nhiều người?

Lại có thuyết nói: Tín giải thoát bất chuyển căn, tạo ra Kiến đáo, cho nên trong Kiên-độ Căn không nói.

Hỏi: Nếu vậy theo thuyết của Kiên-độ Trí nói làm sao hiểu được?

Đáp: Văn kia nên nói rằng: Ba tam-muội của Tu-đà-hoàn ở vị lai sẽ đều thành tựu, hiện tại, hoặc hiện ở trước, quá khứ đã diệt, chẳng nên nói là không mất.

Lẽ ra phải nói mà không nói, là có ý gì?

Đáp: Do người tụng nhầm lẫn.

Hỏi: Văn này nói làm sao hiểu được?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thành tựu quá khứ, vị lai đạt được.

Hoặc có thuyết nói: Không thành tựu quá khứ, vị lai đạt được.

Nếu nói như thế thì không thành tựu quá khứ, vị lai đạt được. Người kia nói rằng: Nếu không được quả Tu-đà-hoàn, là nói vị lai, nếu đã được rồi, là nói hiện tại, bèn mất là nói quá khứ.

Nếu theo thuyết này thì: Thành tựu quá khứ, vị lai đạt được. Người kia nói rằng: Quả Tu-đà-hoàn có ba bậc: hạ, trung, thượng. Nếu đầu tiên trụ nơi quả Tu-đà-hoàn bậc hạ, không được quả Tu-đà-hoàn bậc trung thượng, nên nói không được. Được quả Tu-đà-hoàn bậc hạ, nên nói được rồi, không nên nói bèn mất.

Nếu đầu tiên trụ ở quả Tu-đà-hoàn phẩm trung, nên nói được rồi, không được quả Tu-đà-hoàn bậc thượng, nên nói không được, vì mất quả Tu-đà-hoàn bậc hạ, nên nói bèn mất.

Nếu đầu tiên, trụ ở quả Tu-đà-hoàn bậc thượng, thì không nên nói không được. Vì đã được quả Tu-đà-hoàn bậc thượng, nên nói: được rồi. Bèn mất nghĩa là mất quả Tu-đà-hoàn bậc trung, bậc hạ.

Hỏi: Vốn không thành tựu quả Tu-đà-hoàn phẩm bậc trung, bậc hạ, vì sao nói mất?

Đáp: Vì vượt qua hai căn, nên gọi là mất. Vì sao? Vì với thế lực vượt qua hai căn kia có thế lực của sinh, nên nói như thế, nhưng với Luận Thức Thân đã nói làm sao hiểu được?

Đáp: Với Luận Thức Thân đã nói thì không thể hiểu được.

**Lời bình:** Nên nói như vậy: Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đáo. Hoặc Tín giải thoát không chuyển căn, tạo ra Kiến đáo, thì thời

giải thoát sẽ không chuyển căn, tạo ra bất động. Vì sao? Vì như Địa Hữu Học, không có dừng nghỉ, không cứu giúp, nên địa Vô học cũng vậy.

Tôn giả Phật-đà-la-trắc nói: Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đáo, có sáu việc không chung:

1. Ở cõi Dục, không ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.
2. Dựa vào thiên, không dựa vào định Vô sắc.
3. Dùng đạo vô lậu, không dùng đạo thế tục.
4. Sử dụng Pháp trí, không vận dụng Tỷ trí.
5. Thối chuyển chẳng phải không thối chuyển.
6. Trụ nơi đạo quả, không trụ đạo quả vượt hơn.

Ở cõi Dục, không ở cõi Sắc, cõi Vô sắc: Ở cõi Dục có nói pháp, vì con người dùng sức của việc nói pháp, nên có thể chuyển căn tánh chậm lụt thành căn tánh nhạy bén.

Dựa vào thiên, không dựa vào định Vô sắc: Vốn dựa vào địa nào để đạt được quả Hữu Học, tức nên dựa vào địa đó, là Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đáo.

Dùng đạo vô lậu, không dùng đạo thế tục: Do đạo vô lậu bén nhạy, nên có thể chuyển căn. Còn đạo thế tục thì không bén nhạy.

Sử dụng pháp trí, không sử dụng tỷ trí: Người sinh ở cõi Dục, chuyển căn, đối với pháp trí được tự tại, không ở tỷ trí.

Thối chuyển chẳng phải không thối chuyển: Vì nhàm chán, thối lui, nên chuyển căn.

Trụ nơi đạo quả, chẳng phải trụ ở đạo quả vượt hơn: Nếu ở nơi đạo quả vượt hơn mà chuyển căn thì sẽ mất nhiều đạo, được một chút đạo, đó gọi là giảm ít, không gọi là tăng ích.

Người A-tỳ-đàm nói rằng: Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đáo. Như thuyết của người kia đã nói, thì trong sáu việc chỉ ba việc không thể như thế. Chỉ ở cõi Dục không ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, việc này có thể như thế. Dựa vào thiên, không dựa vào định Vô sắc, sự này cũng có thể như thế. Chỉ do đạo vô lậu, không do đạo thế tục, việc này cũng có thể như thế. Chỉ dùng pháp trí, không dùng tỷ trí, việc này không hẳn phải như thế. Vì sao? Vì hoặc có người đối với tỷ trí, lại khéo được tự tại, chẳng phải ở pháp trí.

Pháp thối chuyển, chẳng phải pháp không thối chuyển. Việc này cũng không hẳn phải như thế. Vì sao? Vì pháp thối chuyển cũng có thể chuyển căn, mà pháp không thối chuyển cũng có thể chuyển căn, đâu chỉ mỗi pháp thối chuyển. Chỉ trụ nơi đạo quả, không trụ nơi đạo quả vượt hơn, việc này cũng không hẳn như thế. Vì sao? Vì trụ nơi đạo quả

cũng có thể chuyển căn. Trụ nơi đạo quả vượt hơn, cũng có thể chuyển căn.

Hỏi: Nếu vậy há chẳng phải bỏ đạo nhiều, được đạo ít, là tổn giảm, chẳng phải tăng ích hay sao?

Đáp: Người kia cầu căn tánh nhạy bén, không cầu ở đạo nhiều.

Tôn giả Cù-sa Bạt Ma nói: Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đạo, chỉ có ở cõi Diêm-phù-đề, không ở phương khác.

Hỏi: Dựa vào địa nào đạt được quả Hữu Học, thì sẽ dựa vào địa đó chuyển căn chăng?

Đáp: Tức dựa vào địa đó, vừa dựa vào địa khác, là địa vượt hơn, chẳng phải địa thấp kém. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, tất nhiên dựa vào thiên Vị chí, được quả chuyển căn. A-na-hàm dựa vào địa đắc quả, vừa dựa vào địa khác chuyển căn.

A-na-hàm rất ít. Nghĩa là thành tựu quả A-na-hàm của ba địa: Vị chí, Trung gian thiên và Sơ thiên. Hoặc dựa vào Vị chí, hoặc dựa vào Sơ thiên, hoặc dựa vào thiên trung gian, tất nhiên sẽ thành quả A-na-hàm của đạo tỷ trí nơi ba địa. Nếu dựa vào Nhị thiên, sẽ được chánh quyết định, tất nhiên thành tựu quả A-na-hàm của Đạo tỷ trí ở bốn địa. Nếu dựa vào đệ Tam thiên, thì sẽ thành tựu năm địa. Nếu dựa vào đệ Tứ thiên, thì sẽ thành tựu sáu địa. Người theo thứ lớp khi lìa ái dục nơi đạo giải thoát sau cùng sẽ thành tựu quả A-na-hàm của ba địa. Nếu dựa vào Sơ thiên sẽ được chánh quyết định, tức dựa vào Sơ thiên chuyển căn. Người kia bỏ quả A-na-hàm của ba địa, được quả A-na-hàm của ba địa.

Nếu dựa vào Sơ thiên được chánh quyết định, tức người dựa vào đệ Nhị thiên chuyển căn, nếu đó sẽ bỏ ba địa, được bốn địa. Nếu dựa vào Sơ thiên được chánh quyết định, người dựa vào đệ Tam thiên chuyển căn, người ấy sẽ bỏ ba địa, được năm địa. Nếu dựa vào Sơ thiên được chánh quyết định, người dựa vào đệ Tứ thiên chuyển căn, thì người ấy sẽ bỏ ba địa được sáu địa. Nếu dựa vào Nhị thiên, được chánh quyết định, thì người dựa vào hai thiên chuyển căn, người ấy sẽ bỏ bốn địa được bốn địa. Nếu dựa vào hai thiên được chánh quyết định, người dựa vào đệ Tam thiên chuyển căn, người ấy sẽ bỏ bốn địa, được năm địa. Nếu dựa vào Nhị thiên được chánh quyết định thì người dựa vào đệ Tứ thiên chuyển căn, người ấy sẽ bỏ bốn địa được sáu địa. Nếu dựa vào ba thiên để được chánh quyết định, tức người dựa vào ba thiên chuyển căn, người đó sẽ bỏ năm địa, được năm địa. Nếu dựa vào ba thiên được chánh quyết định, thì người dựa vào đệ Tứ thiên chuyển căn, người ấy

sẽ bỏ năm địa, được sáu địa. Nếu dựa vào đệ Tứ thiên được chánh quyết định, tức người dựa vào đệ Tứ thiên chuyển căn, người ấy sẽ bỏ sáu địa được sáu địa.

Hỏi: Có người nào dựa vào địa trên để được quả, dựa vào địa dưới để chuyển căn hay không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói không có. Vì nếu có thì sẽ bỏ đạo nhiều, được đạo ít, là tổn giảm, chẳng phải tăng ích.

Lại có thuyết nói: Có. Như dựa vào đệ Tứ thiên được chánh quyết định, thì người dựa vào đệ Tam thiên chuyển căn, sẽ bỏ sáu, được năm. Người dựa vào đệ Tứ thiên được chánh quyết định, thì người dựa vào đệ Nhị thiên chuyển căn, sẽ bỏ sáu, được bốn. Dựa vào đệ Tứ thiên được chánh quyết định, thì người dựa vào Sơ thiên chuyển y, sẽ bỏ sáu, được ba. Ba thiên, Nhị thiên, Sơ thiên, nên theo hình tướng của mỗi thiên mà nói.

Hỏi: Nếu vậy há chẳng phải bỏ nhiều đạo, được ít đạo, là tổn giảm, chẳng phải tăng ích hay sao?

Đáp: Nếu vậy cũng không có lỗi. Vì sao? Vì người kia cầu đạo lợi ích, không cầu đạo nhiều.

Có ai lia ái của Vô sở hữu xứ để thành tựu vô lậu một địa của bậc Thánh hay không?

Đáp: Có. Lia ái của Vô sở hữu xứ, dựa vào thiên Vị chí được chánh quyết định, tức là mười lăm khoảnh tâm trong kiến đạo.

Có A-na-hàm nào lia ái của Vô sở hữu xứ để thành tựu vô lậu của ba địa hay không?

Đáp: Có. Nếu dựa vào Sơ thiên, thiên Vị chí, thiên trung gian, thì Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đạo.

Có người thân chứng không thành tựu định Vô sắc vô lậu không?

Đáp: Có. Dựa vào thiên, Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đạo. Người chưa lia ái của Sơ thiên, dựa vào Sơ thiên để chuyển căn, thì sẽ bỏ đạo vô lậu của ba địa, được đạo vô lậu của ba địa. Người lia ái của Sơ thiên, chưa lia ái của Nhị thiên, dựa vào Sơ thiên để chuyển căn, thì sẽ bỏ bốn, được ba. Người đã lia ái của đệ Nhị thiên, chưa lia ái của đệ Tam thiên, dựa vào Sơ thiên để chuyển căn thì sẽ bỏ năm, được ba. Người đã lia ái của đệ Tam thiên, chưa lia ái của đệ Tứ thiên, dựa vào Sơ thiên để chuyển căn, thì sẽ bỏ sáu được ba. Người đã lia ái của đệ Tứ thiên, chưa lia ái của Không xứ, dựa vào Sơ thiên để chuyển căn, thì sẽ bỏ bảy được ba. Người đã lia ái của Không xứ, chưa lia ái của Thức xứ, dựa vào Sơ thiên để chuyển căn, thì sẽ bỏ tám được ba. Nếu người

đã lia ái của Thức xứ, chưa lia ái của Vô sở hữu xứ, dựa vào Sơ thiên để chuyển căn, thì sẽ bỏ chín được ba. Người đã lia ái của đệ Nhị thiên, cho đến lia ái của Thức xứ, dựa vào đệ Nhị thiên để chuyển căn, thì sẽ bỏ chín được bốn. Người đã lia ái của đệ Tam thiên, cho đến lia ái của Thức xứ, dựa vào đệ Tam thiên để chuyển căn, thì sẽ bỏ chín được năm. Người đã lia ái của đệ Tứ thiên, cho đến lia ái của Thức xứ, dựa vào đệ Tứ thiên để chuyển căn, thì sẽ xả chín được sáu.

Hỏi: Lia ái của Vô sở hữu xứ, Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đáo, bỏ đạo đối trị cõi Vô sắc, là có bỏ đoạn hay không? Nếu đã xả dứt thì sao không tạo thành kiết? Còn nếu không xả thì đối trị đã xả, do việc gì lại không xả dứt?

Đáp: Nên nói là: Không xả!

Hỏi: Đối trị đã bỏ, do việc gì lại không xả đoạn?

Đáp: Đối trị cõi Vô sắc có hai thứ được: Mặc dù đã bỏ vô lậu, nhưng không xả hữu lậu, vì hữu lậu đã được duy trì, nên không xả.

Hỏi: Như đạo hữu lậu có thể có chỗ tạo tác nên có thể như thế, không thể có chỗ tạo tác thì làm sao có thể như thế? Như lia dần ái của Phi tướng Phi phi tướng xứ, Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đáo vì xả đạo đối trị, do tu đạo dứt của Phi tướng Phi phi tướng xứ, hay là xả dứt kia không? Nếu xả thì sao không thành tựu kiết? Nếu không xả, thì đối trị đã xả, do việc gì lại không xả dứt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có người lia dần ái của Phi tướng Phi phi tướng xứ mà chuyển căn. Nếu chuyển thì hoặc là thối lui, hoặc là rớt ráo lia dục.

Lại có thuyết nói: Có người lia dần ái của phi tướng, Phi phi tướng xứ, chuyển căn, bỏ đạo đối trị nhưng không xả dứt.

**Lời bình:** Nên nói rằng: xả đạo đối trị, cũng xả dứt, nhưng không tạo thành kiết. Như lia ái của vô sở hữu xứ, qua đời, sinh lên Phi tướng Phi phi tướng xứ. Từ cõi Dục, cho đến Thức xứ, đã có đạo đối trị và dứt đều xả nhưng không tạo thành kiết, người kia cũng giống như thế.

Khi Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đáo, thì dùng một đạo phương tiện, một đạo vô ngại, một đạo giải thoát. Khi thời giải thoát chuyển căn đạo ra bất động, hoặc có thuyết nói, dùng một đạo phương tiện, một đạo vô ngại, một đạo giải thoát.

**Lời bình:** Nên nói rằng: Dùng một đạo phương tiện chín đạo vô ngại, chín đạo giải thoát. Vì sao? Vì lai được dụng công lần nữa của quả Sa-môn. Như người phá bỏ nhà rồi làm lại. Sử dụng công của quả Sa-môn kia cũng giống như thế.

Khi Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đáo, thì đạo phương tiện là hữu lậu, vô lậu, ở vị lai cũng tu đạo hữu lậu vô lậu. Đạo vô ngại là vô lậu, vị lai cũng tu đạo vô lậu. Đạo giải thoát cũng là vô lậu.

Hoặc có thuyết nói: Vị lai tu đạo hữu lậu, vô lậu

Hoặc có thuyết nói: Chỉ tu vô lậu. Lúc thời giải thoát chuyển căn, tạo ra bất động, thì Đạo phương tiện là hữu lậu, vô lậu. Ở vị lai, tu đạo hữu lậu, vô lậu. Chín đạo vô ngại, tám đạo giải thoát chỉ là vô lậu, ở vị lai sẽ tu đạo vô lậu. Đạo giải thoát sau cùng là vô lậu, ở vị lai sẽ tu đạo hữu lậu, vô lậu, và căn thiện của ba cõi. Khi Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đáo, thì đạo phương tiện hoặc là từng được, hoặc chẳng phải từng được. Đạo vô ngại, đạo giải thoát hoàn toàn chẳng phải đã từng được. Lúc giải thoát chuyển căn, tạo ra bất động, thì đạo phương tiện, hoặc là từng được, hoặc chẳng phải từng được. Đạo vô ngại, đạo giải thoát, hoàn toàn chẳng phải đã từng được. Khi Tín giải thoát ấy chuyển căn tạo ra Kiến đáo, thì đạo phương tiện, đạo vô ngại thuộc về đạo Tín giải thoát, đạo giải thoát là thuộc về đạo Kiến đáo. Lúc Thời giải thoát chuyển căn tạo ra Bất động, thì đạo phương tiện, chín đạo vô ngại, tám đạo giải thoát, là thuộc về đạo thời giải thoát. Đạo giải thoát sau cùng là thuộc về đạo phi thời giải thoát. Lúc Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đáo, nếu trụ nơi quả đạo để chuyển căn, thì đạo phương tiện, đạo vô ngại, giải thoát kia thuộc về quả đạo. Nếu trụ nơi quả đạo hơn hẳn để chuyển căn, thì đạo phương tiện, đạo Vô ngại kia thuộc về quả đạo thù thắng, đạo giải thoát thì thuộc về quả đạo. Khi thời giải thoát chuyển căn tạo ra bất động, thì đạo phương tiện, vô ngại, giải thoát thuộc về quả đạo. Vì sao? Vì không gì hơn quả đạo. Lúc Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đáo, nếu trụ nơi quả để chuyển căn, đó gọi là xả quả để được quả. Nếu trụ nơi quả đạo hơn hẳn để chuyển căn, đó gọi là bỏ quả, bỏ quả đạo thù thắng để được quả. Lúc thời giải thoát chuyển căn tạo ra bất động, gọi là xả quả được quả. Sáu loại A-la-hán: đó là Thối pháp, Nhớ pháp, Hộ pháp, cùng trụ, có thể tiến tới, bất động. Nếu khi Thối pháp chuyển căn tạo ra Nhớ pháp thì xả căn Thối pháp, được căn Nhớ pháp. Nếu khi Nhớ pháp chuyển căn tạo ra Hộ pháp thì bỏ căn Nhớ pháp được căn Hộ pháp. Nếu khi Hộ pháp chuyển căn tạo ra cùng trụ thì bỏ căn Hộ pháp, được căn cùng trụ. Nếu khi cùng trụ chuyển căn, tạo ra có thể tiến tới, thì bỏ căn cùng trụ, được căn tiến tới. Nếu khi có thể tiến tới chuyển căn tiến tới tạo ra bất động, thì bỏ căn có thể tiến tới, được căn bất động. Như sáu loại của địa Vô học, thì sáu thứ Học tánh trong tu đạo cũng giống như vậy.



---

Hỏi: Lúc Thối pháp chuyển căn tạo ra bất động, là trụ nơi căn Thối pháp đạt được bất động, hay là theo thứ lớp cùng chuyển năm thứ căn, để đạt được bất động?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: trụ nơi căn Thối pháp chuyển căn được bất động, vì dụng công khác trong lúc Vô học, phần nhiều khó được, cho nên theo thứ lớp chuyển địa học thì không như vậy.

**Lời bình:** Nên nói như vậy: Tất cả thời gian theo thứ lớp mà chuyển căn. Như trong tu đạo có sáu thứ tánh. Trong kiến đạo cũng có sáu thứ tánh. Nghĩa là từ Thối pháp cho đến Bất động, không có người chuyển căn. Vì sao? Vì kiến đạo là đạo nhanh chóng không khởi.

Như trong kiến đạo có sáu thứ tánh, trong địa tu hành, cũng có sáu thứ tánh: từ Thối pháp, cho đến Bất động. Nếu người chuyển thì Thối pháp thối nơi Noãn pháp không hiện ở trước, pháp nhớ, pháp Noãn hiện ở trước, cho đến có thể tiến tới, pháp Noãn không hiện ở trước, Noãn pháp bất động hiện ở trước.

Pháp Noãn của Tánh không hiện ở trước. Pháp Noãn của tánh Bích-chi không Phật hiện ở trước. Pháp Noãn của Phật tánh hiện ở trước. Như pháp Noãn, pháp Đảnh cũng thế.

Sự khác nhau của nhãn. Nhãn của Tánh Thanh văn không hiện ở trước. Nhãn của tánh Phật Bích hiện ở trước. Không có nhãn của Thanh văn, Bích-chi Phật không hiện ở trước. Nhãn của Phật hiện ở trước. Vì sao? Vì nhãn chướng ngại đường, Bồ-tát do nguyện lực nên đọa vào đường ác.

Lại có thuyết nói: Noãn, Đảnh của Thanh văn không hiện ở trước, cũng không khởi. Noãn, Đảnh của Bích-chi Phật hiện ở trước. Vì sao? Vì như trí tự nhiên vô sư của Phật. Bích-chi Phật kia cũng thế. Như mỗi khi Phật ngồi kiết già, là sinh ra các pháp thiện hiện ra trước, từ bất tịnh, cho đến Tận trí, trí Vô sinh, Bích-chi Phật cũng thế.

Pháp Thế đệ nhất cũng có sáu thứ tánh: Từ thối pháp cho đến Bất động, không có người chuyển căn. Vì sao? Vì một khoảng sát-na của căn thiện kia không có tướng dừng lại, Tu-đà-hoàn có sáu thứ tánh Thối pháp, cho đến Bất động, cho nên nói như vậy.

Hỏi: Có khi nào thối lui quả Tu-đà-hoàn, không tạo thành kiết, do kiến đạo dứt trừ hay không?

Đáp: Có. Như tánh của căn cơ phẩm thượng, thối lui nơi căn cơ phẩm hạ.

